

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (MARD)**  
**DỰ ÁN HỖ TRỢ NÔNG NGHIỆP CARBON THẤP (LCASP)**  
**(RRP VIE 45406)**



**Chương trình**  
**TẬP HUẤN NÂNG CAO NĂNG LỰC GIÁM SÁT**  
**MÔI TRƯỜNG CHO VIỆC XÂY DỰNG, QUẢN LÝ**  
**VÀ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH KSH**

**Hướng dẫn viên: TS. Tạ Hòa Bình**  
**Chuyên gia An toàn Môi trường LIC/LCASP**

**Hà nội, tháng 5 năm 2017**

## **Nội dung**

- 1. Giới thiệu chung về các điều liên quan đến dự án được quy định trong luật bảo vệ môi trường của Chính Phủ năm 2015, Quy chuẩn kỹ thuật QCVN 62-MT:2016/BTBM.**
- 2. Giới thiệu về các chính sách an toàn môi trường của ADB (2009) yêu cầu giám sát môi trường trong Dự án.**
- 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và giám sát môi trường của CPMU cho dự án**
- 4. Giải đáp thắc mắc về các báo cáo cần thiết hoàn thành đáp ứng yêu cầu của CPMU và ADB về an toàn môi trường**
- 5. Thực hành đo đạc, phân tích một số chỉ tiêu đơn giản theo yêu cầu giám sát**

## **1. Giới thiệu chung về các điều liên quan đến dự án được quy định trong luật bảo vệ môi trường của Chính Phủ năm 2015, QCVN 62- MT:2016/BTBM**

### **1.1 Luật bảo vệ môi trường của Chính Phủ năm 2015, các điều khoản liên quan đến bảo vệ môi trường trong dự án**

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội khoá X, kỳ họp thứ 10 đồng ý ban hành Luật về bảo vệ môi trường. Luật quy định:

- Về hoạt động bảo vệ môi trường; chính sách, biện pháp và nguồn lực để bảo vệ môi trường; quyền và nghĩa vụ của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong bảo vệ môi trường
- Áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam

### **1.2 Các thuật ngữ**

1. Môi trường bao gồm các yếu tố tự nhiên và vật chất nhân tạo bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất, sự tồn tại, phát triển của con người và sinh vật.
2. Thành phần môi trường là yếu tố vật chất tạo thành môi trường như đất, nước, không khí, âm thanh, ánh sáng, sinh vật, hệ sinh thái và các hình thái vật chất khác.
3. Hoạt động bảo vệ môi trường là hoạt động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp; phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đối với môi trường, ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, phục hồi và cải thiện môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ đa dạng sinh học.  
.....
5. Tiêu chuẩn môi trường là giới hạn cho phép của các thông số về chất lượng môi trường xung quanh, về hàm lượng của chất gây ô nhiễm trong chất thải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định làm căn cứ để quản lý và bảo vệ môi trường.
6. Ô nhiễm môi trường là sự biến đổi của các thành phần môi trường không phù hợp với tiêu chuẩn môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến con người, sinh vật.
7. Suy thoái môi trường là sự suy giảm về chất lượng và số lượng của thành phần môi trường, gây

ảnh hưởng xấu đối với con người và sinh vật.

.....

9. Chất gây ô nhiễm là chất hoặc yếu tố vật lý khi xuất hiện trong môi trường thì làm cho môi trường bị ô nhiễm.

10. Chất thải là vật chất ở thể rắn, lỏng, khí được thải ra từ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sinh hoạt hoặc hoạt động khác.

12. Quản lý chất thải là hoạt động phân loại, thu gom, vận chuyển, giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế, xử lý, tiêu hủy, thải loại chất thải.

13. Phế liệu là sản phẩm, vật liệu bị loại ra từ quá trình sản xuất hoặc tiêu dùng được thu hồi để dùng làm nguyên liệu sản xuất.

.....

17. Quan trắc môi trường là quá trình theo dõi có hệ thống về môi trường, các yếu tố tác động lên môi trường nhằm cung cấp thông tin phục vụ đánh giá hiện trạng, diễn biến chất lượng môi trường và các tác động xấu đối với môi trường.

.....

21. Khí thải gây hiệu ứng nhà kính là các loại khí tác động đến sự trao đổi nhiệt giữa trái đất và không gian xung quanh làm nhiệt độ của không khí bao quanh bề mặt trái đất nóng lên.

22. Hạn ngạch phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính là khối lượng khí gây hiệu ứng nhà kính của mỗi quốc gia được phép thải vào bầu khí quyển theo quy định của các điều ước quốc tế liên quan.

### **1.3 Các điều khoản bảo vệ môi trường liên quan đến dự án**

#### **Điều 4. Nguyên tắc bảo vệ môi trường**

1. Bảo vệ môi trường phải gắn kết hài hòa với phát triển kinh tế và bảo đảm tiến bộ xã hội để phát triển bền vững đất nước; bảo vệ môi trường quốc gia phải gắn với bảo vệ môi trường khu vực và toàn cầu.

2. Bảo vệ môi trường là sự nghiệp của toàn xã hội, quyền và trách nhiệm của cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân.

3. Hoạt động bảo vệ môi trường phải thường xuyên, lấy phòng ngừa là chính kết hợp với khắc phục ô nhiễm, suy thoái và cải thiện chất lượng môi trường.
4. Bảo vệ môi trường phải phù hợp với quy luật, đặc điểm tự nhiên, văn hóa, lịch sử, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn.
5. Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân gây ô nhiễm, suy thoái môi trường có trách nhiệm khắc phục, bồi thường thiệt hại và chịu các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật

#### **Điều 5. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường**

1. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường.
3. Sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; đẩy mạnh tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải.
4. Ưu tiên giải quyết các vấn đề môi trường bức xúc; tập trung xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; phục hồi môi trường ở các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái; chú trọng bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư.
6. ưu đãi về đất đai, thuế, hỗ trợ tài chính cho các hoạt động bảo vệ môi trường và các sản phẩm thân thiện với môi trường; kết hợp hài hòa giữa bảo vệ và sử dụng có hiệu quả các thành phần môi trường cho phát triển.
7. Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, khuyến khích nghiên cứu, áp dụng và chuyển giao các thành tựu khoa học và công nghệ về bảo vệ môi trường; hình thành và phát triển ngành công nghiệp môi trường.

#### **Điều 6. Những hoạt động bảo vệ môi trường được khuyến khích**

- 1, Tuyên truyền, giáo dục và vận động mọi người tham gia bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, bảo vệ cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học.
2. Bảo vệ và sử dụng hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên.

3. Giảm thiểu, thu gom, tái chế và tái sử dụng chất thải.

4. Phát triển, sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; giảm thiểu khí thải gây hiệu ứng nhà kính, phá hủy tầng ôzôn.

6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao, ứng dụng công nghệ xử lý, tái chế chất thải, công nghệ thân thiện với môi trường.

### **Điều 7. Những hành vi bị nghiêm cấm**

1. Phá hoại, khai thác trái phép rừng, các nguồn tài nguyên thiên nhiên khác.

4. Chôn lấp chất độc, chất phóng xạ, chất thải và chất nguy hại khác không đúng nơi quy định và quy trình kỹ thuật về bảo vệ môi trường, vào đất, nguồn nước.

6. Thải khói, bụi, khí có chất hoặc mùi độc hại vào không khí; phát tán bức xạ, phóng xạ, các chất ion hoá vượt quá tiêu chuẩn môi trường cho phép.

7. Gây tiếng ồn, độ rung vượt quá tiêu chuẩn cho phép.

12. Xâm hại di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên.

14. Hoạt động trái phép, sinh sống ở khu vực được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là khu vực cấm do mức độ đặc biệt nguy hiểm về môi trường đối với sức khỏe và tính mạng con người.

## **1.4 TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG**

### **Điều 8. Nguyên tắc xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn môi trường**

1 :

- a) Đáp ứng mục tiêu bảo vệ môi trường; phòng ngừa ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường;
- b) Ban hành kịp thời, có tính khả thi, phù hợp với mức độ phát triển kinh tế - xã hội, trình độ công nghệ của đất nước và đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế;
- c) Phù hợp với đặc điểm của vùng, ngành, loại hình và công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

2. Tổ chức, cá nhân phải tuân thủ tiêu chuẩn môi trường do Nhà nước công bố bắt buộc áp dụng.

### **Điều 9. Nội dung tiêu chuẩn môi trường quốc gia**

2. Cấp độ tiêu chuẩn.
3. Các thông số về môi trường và các giá trị giới hạn.
4. Đối tượng áp dụng tiêu chuẩn.
5. Quy trình, phương pháp chỉ dẫn áp dụng tiêu chuẩn.
6. Điều kiện kèm theo khi áp dụng tiêu chuẩn.
7. Phương pháp đo đạc, lấy mẫu, phân tích.

### **Điều 10. Hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia**

1. Hệ thống tiêu chuẩn môi trường quốc gia bao gồm tiêu chuẩn về chất lượng môi trường xung quanh và tiêu chuẩn về chất thải.
2. Tiêu chuẩn về chất lượng môi trường xung quanh bao gồm:
  - a) Nhóm tiêu chuẩn môi trường đối với đất phục vụ cho các mục đích về sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và mục đích khác
  - b) Nhóm tiêu chuẩn môi trường đối với nước mặt và nước dưới đất phục vụ các mục đích về cung cấp nước uống, sinh hoạt, công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, tưới tiêu nông nghiệp và mục đích khác;
  - d) Nhóm tiêu chuẩn môi trường đối với không khí ở vùng đô thị, vùng dân cư nông thôn;
3. Tiêu chuẩn về chất thải bao gồm:
  - a) Nhóm tiêu chuẩn về nước thải công nghiệp, dịch vụ, nước thải từ chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, nước thải sinh hoạt và hoạt động khác;

### **Điều 11. Yêu cầu đối với tiêu chuẩn về chất lượng môi trường xung quanh**

1. Tiêu chuẩn về chất lượng môi trường xung quanh quy định giá trị giới hạn cho phép của các thông số môi trường phù hợp với mục đích sử dụng thành phần môi trường, bao gồm:

- a) Giá trị tối thiểu của các thông số môi trường bảo đảm sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật;
- b) Giá trị tối đa cho phép của các thông số môi trường có hại để không gây ảnh hưởng xấu đến sự sống và phát triển bình thường của con người, sinh vật.

2. Thông số môi trường quy định trong tiêu chuẩn về chất lượng môi trường phải chỉ dẫn cụ thể các phương pháp chuẩn về đo đạc, lấy mẫu, phân tích để xác định thông số đó.

## **Điều 12. Yêu cầu đối với tiêu chuẩn về chất thải**

1. Tiêu chuẩn về chất thải phải quy định cụ thể giá trị tối đa các thông số ô nhiễm của chất thải bảo đảm không gây hại cho con người và sinh vật.
2. Thông số ô nhiễm của chất thải được xác định căn cứ vào tính chất độc hại, khối lượng chất thải phát sinh và sức chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải.
3. Thông số ô nhiễm quy định trong tiêu chuẩn về chất thải phải có chỉ dẫn cụ thể các phương pháp chuẩn về lấy mẫu, đo đạc và phân tích để xác định thông số đó.

## **1.5 CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 24.** Đối tượng phải có bản cam kết bảo vệ môi trường Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ quy mô hộ gia đình và đối tượng không thuộc quy định tại Điều 14 và Điều 18 của Luật này phải có bản cam kết bảo vệ môi trường.

**Điều 25.** Nội dung bản cam kết bảo vệ môi trường

1. Địa điểm thực hiện.
2. Loại hình, quy mô sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng.
3. Các loại chất thải phát sinh.
4. Cam kết thực hiện các biện pháp giảm thiểu, xử lý chất thải và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

**Điều 26. Đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường**

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường;



trường hợp cần thiết, có thể ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xó tổ chức đăng ký.

2. Thời hạn chấp nhận bản cam kết bảo vệ môi trường là không quá năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản cam kết bảo vệ môi trường hợp lệ.
3. Đối tượng quy định tại Điều 24 của Luật này chỉ được triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ sau khi đã đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường.

### **Điều 27. Trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện cam kết bảo vệ môi trường**

1. Tổ chức, cá nhân cam kết bảo vệ môi trường có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường.
2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chỉ đạo, tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nội dung đã ghi trong bản cam kết bảo vệ môi trường.

## **Chương V. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH, DỊCH VỤ**

### **Điều 35. Trách nhiệm bảo vệ môi trường của tổ chức, cá nhân trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, bản cam kết bảo vệ môi trường đã đăng ký và tuân thủ tiêu chuẩn môi trường.
3. Phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đối với môi trường từ các hoạt động của mình.
4. Khắc phục ô nhiễm môi trường do hoạt động của mình gây ra.
5. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động trong cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của mình.
6. Thực hiện chế độ báo cáo về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
7. Chấp hành chế độ kiểm tra, thanh tra bảo vệ môi trường.
8. Nộp thuế môi trường, phí bảo vệ môi trường.

### **Điều 37. Bảo vệ môi trường đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ**

1. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường sau đây:
  - a) Có hệ thống kết cấu hạ tầng thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường. Trường hợp nước thải được chuyển về hệ thống xử lý nước thải tập trung thì phải tuân thủ các quy định của tổ chức quản lý hệ thống xử lý nước thải tập trung;
  - b) Có đủ phương tiện, thiết bị thu gom, lưu giữ chất thải rắn và phải thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn;
  - c) Có biện pháp giảm thiểu và xử lý bụi, khí thải đạt tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường; bảo đảm không để rò rỉ, phát tán khí thải, hơi, khí độc hại ra môi trường; hạn chế tiếng ồn, phát sáng, phát nhiệt gây ảnh hưởng xấu đối với môi trường xung quanh và người lao động;
  - d) Bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị đáp ứng khả năng phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường, đặc biệt là đối với cơ sở sản xuất có sử dụng hoá chất, chất phóng xạ, chất dễ gây cháy, nổ.

## **Điều 46. Bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp**

1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Không được kinh doanh, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép.
3. Phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y đã hết hạn sử dụng; dụng cụ, bao bì đựng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y sau khi sử dụng phải được xử lý theo quy định về quản lý chất thải.
4. Khu chăn nuôi tập trung phải đáp ứng các yêu cầu bảo vệ môi trường sau đây:
  - a) Bảo đảm vệ sinh môi trường đối với khu dân cư;
  - b) Có hệ thống thu gom, xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường;
  - c) Chất thải rắn chăn nuôi phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải, tránh phát tán ra môi trường;
  - d) Chuồng, trại phải được vệ sinh định kỳ; bảo đảm phòng ngừa, ứng phó dịch bệnh;
  - đ) Xác vật nuôi bị chết do dịch bệnh phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại và vệ sinh phòng bệnh.
5. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp.

## **Chương VIII. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

### **Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

#### **Điều 66. Trách nhiệm quản lý chất thải**

1. Tổ chức, cá nhân có hoạt động làm phát sinh chất thải có trách nhiệm giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng để hạn chế đến mức thấp nhất lượng chất thải phải tiêu hủy, thải bỏ.
2. Chất thải phải được xác định nguồn thải, khối lượng, tính chất để có phương pháp và quy trình xử lý thích hợp với từng loại chất thải.
3. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh, dịch vụ thực hiện tốt việc quản lý chất thải được cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn môi trường.
4. Việc quản lý chất thải được thực hiện theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

### **Mục 4. QUẢN LÝ NƯỚC THẢI**

#### **Điều 81. Thu gom, xử lý nước thải**

2. Nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung phải được thu gom, xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường.
3. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải rắn.
4. Nước thải, bùn thải có yếu tố nguy hại phải được quản lý theo quy định về chất thải nguy hại.

#### **Điều 82. Hệ thống xử lý nước thải**

1. Đối tượng sau đây phải có hệ thống xử lý nước thải:
  - a) Khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung;
  - b) Khu, cụm công nghiệp làng nghề;
  - c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không liên thông với hệ thống xử lý nước thải tập trung.
2. Hệ thống xử lý nước thải phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

- a) Có quy trình công nghệ phù hợp với loại hình nước thải cần xử lý;
- b) Đủ công suất xử lý nước thải phù hợp với khối lượng nước thải phát sinh;
- c) Xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường;
- d) Cửa xả nước thải vào hệ thống tiêu thoát phải đặt ở vị trí thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát;
- đ) Vận hành thường xuyên.

3. Chủ quản lý hệ thống xử lý nước thải phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải trước và sau khi xử lý. Số liệu quan trắc được lưu giữ làm căn cứ để kiểm tra, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.

## **Chương X**

### **QUAN TRẮC VÀ THÔNG TIN VỀ MÔI TRƯỜNG**

#### **Điều 94. Quan trắc môi trường**

1. Hiện trạng môi trường và các tác động đối với môi trường được theo dõi thông qua các chương trình quan trắc môi trường sau đây:

d) Người quản lý, vận hành cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoặc khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung có trách nhiệm quan trắc các tác động đối với môi trường từ các cơ sở của mình.

2. Trách nhiệm quan trắc môi trường được quy định như sau:

d) Quan trắc các tác động môi trường từ hoạt động của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung.

#### **Điều 95. Hệ thống quan trắc môi trường**

1. Hệ thống quan trắc môi trường bao gồm:

- a) Các trạm lấy mẫu, đo đạc phục vụ hoạt động quan trắc môi trường;
- b) Các phòng thí nghiệm, trung tâm phân tích mẫu, quản lý và xử lý số liệu quan trắc môi trường.

3. Tổ chức, cá nhân có đủ năng lực chuyên môn và trang thiết bị kỹ thuật được tham gia hoạt động quan trắc môi trường.

#### **Điều 100. Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực**

1. Báo cáo tình hình tác động môi trường của ngành, lĩnh vực bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Hiện trạng, số lượng, diễn biến các nguồn tác động xấu đối với môi trường;
- b) Hiện trạng, diễn biến, thành phần, mức độ nguy hại của chất thải theo ngành, lĩnh vực;
- c) Danh mục các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và tình hình xử lý;
- d) Đánh giá công tác bảo vệ môi trường của ngành, lĩnh vực;
- đ) Dự báo các thách thức đối với môi trường;

e) Kế hoạch, chương trình, biện pháp đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

Dự án phải làm đánh giá tác động môi trường (ĐTM) tùy thuộc vào nó nằm trong phục lục I, hoặc II, hoặc 3 của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường của Chính phủ, và các thức thành lập báo cáo theo thông tư 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 05 năm 2015 về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

## QCVN 62-MT:2016/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2016

### 1. QUY ĐỊNH CHUNG

1.1. Phạm vi điều chỉnh Quy chuẩn này quy định giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.

1.2. Đối tượng áp dụng

1.2.1. Quy chuẩn này áp dụng riêng cho nước thải chăn nuôi. Mọi tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xả nước thải chăn nuôi ra nguồn tiếp nhận nước thải tuân thủ quy định tại quy chuẩn này.

1.2.2. Nước thải chăn nuôi xả vào hệ thống thu gom của nhà máy xử lý nước thải tập trung tuân thủ theo quy định của đơn vị quản lý và vận hành nhà máy xử lý nước thải tập trung.

### 2. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

2.1. Quy định đối với cơ sở chăn nuôi có tổng lượng nước thải lớn hơn hoặc bằng 5 mét khối trên ngày (m<sup>3</sup>/ngày)

2.1.1. Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải được tính theo công thức sau:

$$C_{\max} = C \times K_q \times K_f$$

Trong đó:

- $C_{\max}$  là giá trị tối đa cho phép của thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải;
- $C$  là giá trị của thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi quy định tại mục 2.1.2;
- $K_q$  là hệ số nguồn tiếp nhận nước thải quy định tại mục 2.1.3 ứng với lưu lượng dòng chảy của sông, suối, khe, rạch, kênh, mương; dung tích của hồ, ao, đầm, phá; mục đích sử dụng của vùng nước biển ven bờ;
- $K_f$  là hệ số lưu lượng nguồn thải quy định tại mục 2.1.4 ứng với tổng lưu lượng nước thải của các cơ sở chăn nuôi khi xả ra nguồn tiếp nhận nước thải.



2.1.2. Giá trị C làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			A	B
1	pH	-	6-9	5,5-9
2	BOD <sub>5</sub>	mg/l	40	100
3	COD	mg/l	100	300
4	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	50	150
5	Tổng Nitơ (theo N)	mg/l	50	150
6	Tổng Coliform	MPN hoặc CFU /100 ml	3000	5000

Cột A Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Cột B Bảng 1 quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải chăn nuôi khi xả ra nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

Mục đích sử dụng của nguồn tiếp nhận nước thải được xác định tại khu vực tiếp nhận nước thải.

**3.1. Phương pháp lấy mẫu và xác định giá trị các thông số trong nước thải chăn nuôi thực hiện theo các tiêu chuẩn sau đây: Tham khảo**

TT	Thông số	Phương pháp phân tích, số hiệu tiêu chuẩn
1	Lấy mẫu	- TCVN 6663-1:2011 (ISO 5667-1:2006) - Chất lượng nước - Phần 1: Hướng dẫn lập chương trình lấy mẫu và kỹ thuật lấy mẫu; - TCVN 6663-3:2008 (ISO 5667-3: 2003) - Chất lượng nước - Lấy mẫu. Hướng dẫn bảo quản và xử lý mẫu; - TCVN 5999:1995 (ISO 5667-10: 1992) - Chất lượng nước - Lấy mẫu. Hướng dẫn lấy mẫu nước thải.
2	pH	- TCVN 6492:2011 (ISO 10523:2008) Chất lượng nước - Xác định pH; - SMEWW 2550 B - Phương pháp chuẩn phân tích nước và nước thải - Xác định pH.

3	BOD <sub>5</sub> (20°C)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TCVN 6001-1:2008 (ISO 5815-1:2003), Chất lượng nước - Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau n ngày (BOD<sub>n</sub>) - Phần 1: Phương pháp pha loãng và cấy có bổ sung allylthiourea;</li> <li>- TCVN 6001-2:2008 (ISO 5815-2:2003), Chất lượng nước - Xác định nhu cầu oxy sinh hóa sau n ngày (BOD<sub>n</sub>) - Phần 2: Phương pháp dùng cho mẫu không pha loãng;</li> <li>- SMEWW 5210 B - Phương pháp chuẩn phân tích nước và nước thải - Xác định BOD.</li> </ul>
4	COD	<ul style="list-style-type: none"> <li>- TCVN 6491:1999 (ISO 6060:1989) Chất lượng nước - Xác định nhu cầu oxy hóa học (COD);</li> <li>- SMEWW 5220 - Phương pháp chuẩn phân tích nước và nước thải - Xác định COD.</li> </ul>

## **2. GIỚI THIỆU VỀ CÁC CHÍNH SÁCH AN TOÀN MÔI TRƯỜNG CỦA ADB(2009) YÊU CẦU GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG TRONG DỰ ÁN.**

### **TUYÊN BỐ CHÍNH SÁCH BẢO TRỢ XÃ HỘI**

- A Tuyên bố toàn diện về cam kết và nguyên tắc chính sách của ADB ADB khẳng định rằng sự bền vững về môi trường và xã hội là nền tảng cho tăng trưởng kinh tế và giảm nghèo ở Châu Á Thái - Bình Dương. Do vậy, Chiến lược đến năm 2020 của ADB nhấn mạnh vào việc hỗ trợ các nước thành viên đang phát triển theo đuổi mục tiêu tăng trưởng kinh tế hòa nhập và bền vững về môi trường
- B Mục tiêu của chính sách bảo trợ xã hội của ADB bao gồm:
- (i) Ngăn ngừa tác động tiêu cực của các dự án đối với môi trường và người dân bị ảnh hưởng bởi dự án, nếu có thể;
  - (ii) Giảm thiểu, giảm nhẹ, và/hoặc đền bù cho các tác động tiêu cực mà dự án gây ra đối với môi trường và người dân bị ảnh hưởng, nếu không thể ngăn ngừa; và
  - (iii) Hỗ trợ bên vay/khách hàng tăng cường hệ thống bảo trợ và xây dựng năng lực quản lý rủi ro môi trường và xã hội.

SPS của ADB nêu rõ các mục tiêu, phạm vi và mốc khởi động chính sách, và các nguyên tắc cho ba lĩnh vực bảo trợ xã hội then chốt:

- (i) Bảo vệ môi trường,
- (ii) Bảo trợ tái định cư bắt buộc, và
- (iii) Bảo trợ dân tộc bản địa.

ADB sẽ không tài trợ cho dự án nào không tuân thủ theo tuyên bố chính sách bảo trợ xã hội của ADB, cũng như không tài trợ cho các dự án không tuân thủ theo pháp luật và quy định về môi trường và xã hội của quốc gia sở tại, bao gồm cả những luật pháp quy định việc thực hiện nghĩa vụ của quốc gia sở tại theo luật quốc tế. Bên cạnh đó, ADB cũng không tài trợ cho các hoạt động nằm trong danh mục các hoạt động đầu tư bị cấm (Phụ lục 5).

- (i) sản xuất hay các hoạt động liên quan đến các hình thức cưỡng bức hoặc bóc lột lao động1 hoặc lao động trẻ em;
- (ii) sản xuất hoặc buôn bán mọi sản phẩm hoặc hoạt động bị coi là bất hợp pháp theo luật lệ và

quy định của nước sở tại hoặc công ước và thỏa ước quốc tế hoặc trên thế giới đang loại bỏ dần hoặc cấm sử dụng, như (a) dược phẩm, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc diệt cỏ, (b) các chất làm suy giảm tầng ozone, (c) polychlorinated biphenyl và các hóa chất độc hại khác, (d) động vật hoang dã hoặc các sản phẩm từ động vật hoang dã được quy định trong Công ước về Buôn bán quốc tế các loài động thực vật nguy cấp, và (e) buôn bán xuyên biên giới rác thải và các sản phẩm chất thải;

- (iii) sản xuất hoặc buôn bán vũ khí và đạn dược, bao gồm các nguyên liệu bán quân sự;
- (iv) sản xuất hoặc buôn bán đồ uống có cồn, ngoại trừ bia và rượu vang;
- (v) sản xuất hoặc buôn bán thuốc lá;
- (vi) cờ bạc, sòng bạc và các công việc kinh doanh tương tự;
- (vii) sản xuất hoặc buôn bán nguyên liệu phóng xạ, bao gồm lò phản ứng hạt nhân hoặc các bộ phận cấu thành;
- (viii) sản xuất, buôn bán hoặc sử dụng sợi a-mi-ăng không dính bám;
- (ix) dự án khai thác gỗ thương mại hoặc mua các thiết bị khai thác gỗ để sử dụng trong các khu rừng nhiệt đới nguyên sinh hoặc rừng già; và
- (x) các hoạt động đánh bắt cá ngoài khơi và vùng duyên hải, như đánh bắt bằng lưới kéo nổi ngoài khơi quy mô lớn và đánh bắt bằng lưới mắt nhỏ, gây tác hại ở số lượng lớn cho các loài dễ bị tổn thương và cần được bảo vệ, và gây hại cho đa dạng sinh học và sinh cảnh biển

Tuyên bố chính sách bảo trợ xã hội này áp dụng cho tất cả các dự án thuộc khu vực chính phủ và khu vực tư nhân do ADB tài trợ và/hoặc do ADB quản lý và các hợp phần của các dự án loại này bất kể do ai tài trợ, bao gồm các dự án đầu tư được tài trợ bởi một khoản vay; và/hoặc một khoản viện trợ không hoàn lại; và/hoặc các phương thức khác như góp vốn cổ phần và/hoặc bảo lãnh (ở đây gọi chung là dự án).

## **QUY TRÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH**

### **Yêu cầu chung**

Sàng lọc và phân loại. ADB sẽ tiến hành sàng lọc và phân loại dự án ngay từ đầu giai đoạn chuẩn bị dự án khi có đủ thông tin để làm việc này. Việc sàng lọc và phân loại được tiến hành nhằm

- (i) phản ánh mức độ quan trọng của các tác động tiềm năng hay rủi ro mà dự án có thể gây ra;
- (ii) xác định mức độ đánh giá và nguồn lực thể chế cần thiết cho các biện pháp bảo trợ xã hội; và
- (iii) xác định các yêu cầu công bố thông tin

Phân loại môi trường. ADB sử dụng một hệ thống phân loại để phản ánh tầm quan trọng của các tác động môi trường tiềm tàng của dự án. Việc xếp loại dự án được xác định theo hợp phần nhạy cảm nhất về môi trường của dự án, bao gồm các tác động trực tiếp, gián tiếp, tích lũy hay bị gây ra trong vùng ảnh hưởng của dự án. Mỗi dự án được đề xuất đều được xem xét kỹ lưỡng về loại hình, địa điểm, quy mô, mức độ nhạy cảm và độ lớn của những tác động môi trường tiềm năng. Các dự án được xếp vào một trong bốn loại dưới đây:

**Loại A.** Một dự án đề xuất được xếp loại A nếu nó có khả năng có tác động tiêu cực đáng kể đến môi trường mà không thể đảo ngược được, đa dạng, hoặc không có tiền lệ. Những tác động này có thể ảnh hưởng đến một vùng rộng hơn địa bàn hay các cơ sở vật chất được xây dựng. Cần đánh giá tác động môi trường.

**Loại B.** Một dự án đề xuất được xếp loại B nếu các tác động tiêu cực tiềm tàng đối với môi trường có mức độ nhẹ hơn so với các dự án loại A. Các tác động này chỉ xảy ra trên địa bàn dự án, ít có tác động không đảo ngược được, và trong phần lớn các trường hợp đều có thể thiết kế các biện pháp giảm nhẹ dễ hơn so với các dự án thuộc Loại A. Cần đánh giá môi trường ban đầu.

**Loại C.** Một dự án đề xuất được xếp loại C nếu nó có ít hoặc không gây tác động môi trường tiêu cực. Không cần phải đánh giá môi trường, mặc dù vẫn cần phải xem xét các hàm ý về môi trường.

**Loại FI.** Một dự án đề xuất được xếp loại FI nếu có vốn của ADB đầu tư vào hoặc thông qua một trung gian tài chính (FI) (đoạn 65-67).

### **Công bố thông tin.**

Theo Chính sách Truyền thông Công chúng của ADB, ADB cam kết phối hợp với bên vay/khách hàng để đảm bảo cung cấp kịp thời các thông tin có liên quan (dù là tích cực hay tiêu cực) về các vấn đề bảo trợ xã hội và môi trường, tại địa điểm dễ tiếp cận, với hình thức và ngôn ngữ dễ hiểu đối với các đối tượng bị ảnh hưởng và các bên có liên quan khác, bao gồm công chúng nói chung, tạo điều kiện cho họ đóng góp thiết thực vào quá trình thiết kế và thực hiện dự án. ADB sẽ đăng tải những tài liệu bảo vệ sau đây lên trang web của mình:

- (i) Đối với các dự án Loại A, đăng dự thảo báo cáo đánh giá tác động môi trường ít nhất 120

trước ngày Ban Giám đốc xem xét;

- (ii) Dự thảo đánh giá môi trường và khung rà soát, dự thảo khung tái định cư và/hoặc kế hoạch tái định cư, và dự thảo khung kế hoạch Dân tộc Bản địa và/hoặc kế hoạch trước khi thẩm định dự án;
- (iii) Báo cáo đánh giá tác động môi trường cuối cùng hoặc cập nhật, kế hoạch tái định cư, và kế hoạch về Dân tộc Bản địa khi nhận được các văn bản này;
- (iv) Các báo cáo giám sát môi trường, tái định cư bắt buộc và dân tộc bản địa do bên vay/khách hàng đệ trình trong quá trình thực hiện dự án khi nhận được các văn bản này.

### **Tham vấn và tham gia.**

ADB cam kết phối hợp với bên vay/khách hàng tiến hành các quy trình tham vấn thiết thực. Để áp dụng được chính sách này, tham vấn thiết thực là một quy trình

- (i) bắt đầu từ sớm trong giai đoạn chuẩn bị dự án và được thực hiện liên tục trong suốt vòng đời dự án;
- (ii) kịp thời công bố các thông tin có liên quan và đầy đủ, dễ hiểu và dễ tiếp cận đối với các đối tượng bị ảnh hưởng;
- (iii) tiến hành trong một khung cảnh không có sự hăm dọa hay cưỡng ép;
- (iv) có tính hòa nhập về giới và có tính đáp ứng cao, và được tùy chỉnh theo nhu cầu của các nhóm đối tượng thiệt thòi và dễ bị tổn thương; và
- (v) cho phép đưa các quan điểm có liên quan của các đối tượng bị ảnh hưởng và các bên liên quan khác vào quá trình ra quyết định, như thiết kế dự án, các biện pháp giảm nhẹ, chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển, và các vấn đề thực hiện.

Đối với các dự án có tác động tiêu cực đáng kể đối với môi trường, tái định cư bắt buộc hay dân tộc bản địa, nhóm cán bộ dự án của ADB sẽ tham gia vào các hoạt động tham vấn để hiểu rõ mối quan tâm của các đối tượng bị ảnh hưởng và đảm bảo những mối quan ngại đó sẽ được giải quyết trong thiết kế dự án và các kế hoạch bảo vệ.

### **GIÁM SÁT VÀ BÁO CÁO.**

Cả bên vay/khách hàng và ADB đều có trách nhiệm giám sát riêng. Mức độ của các hoạt động giám sát, bao gồm phạm vi và tần suất, sẽ tương xứng với các rủi ro và tác động của dự án. Bên vay/khách hàng được yêu cầu phải thực hiện các biện pháp bảo trợ xã hội và các kế hoạch bảo trợ xã hội có liên

quan, như đã quy định trong hiệp định pháp lý, và đệ trình báo cáo giám sát định kỳ về việc tình hình thực hiện. ADB sẽ yêu cầu bên vay/khách hàng phải:

- (i) Thiết lập và duy trì các thủ tục giám sát tiến độ thực hiện các kế hoạch bảo trợ xã hội,
- (ii) Xác minh mức độ tuân thủ theo các biện pháp bảo trợ xã hội và tiến độ của chúng so với các kết quả dự kiến,
- (iii) Ghi chép tài liệu và công bố kết quả giám sát và xác định các hành động khắc phục và phòng ngừa cần thiết trong các báo cáo giám sát định kỳ,
- (iv) Tiếp tục theo dõi các hành động này để đảm bảo tiến độ đạt được các kết quả dự kiến,
- (v) Thuê các chuyên gia ngoài có chuyên môn và giàu kinh nghiệm 28 hoặc các tổ chức phi chính phủ có đủ năng lực tiến hành xác minh các thông tin giám sát đó

ADB đánh giá tình hình thực hiện dự án căn cứ theo các cam kết của bên vay/khách hàng đã thỏa thuận trong văn kiện pháp lý.

Mức độ theo dõi và giám sát của ADB sẽ tương xứng với các rủi ro và tác động của dự án. Việc theo dõi và giám sát các cơ chế bảo trợ xã hội và môi trường được lồng ghép vào hệ thống quản lý thực hiện dự án. ADB sẽ giám sát thường xuyên các dự án cho đến khi báo cáo hoàn thành dự án được phát hành. ADB sẽ thực hiện các hành động giám sát thực hiện dự án như sau:

- (i) Tiến hành kiểm tra thực địa theo định kỳ đối với các dự án có tác động tiêu cực đến môi trường hoặc xã hội;
- (ii) Tổ chức các đoàn giám sát trong đó có phần đánh giá chi tiết thực hiện bởi các chuyên gia/cán bộ hoặc chuyên gia tư vấn về bảo trợ xã hội của ADB đối với các dự án có tác động xã hội và môi trường tiêu cực;
- (iii) Rà soát các báo cáo giám sát định kỳ do bên vay/khách hàng đệ trình để đảm bảo các tác động tiêu cực và rủi ro đã được giảm thiểu như kế hoạch và như đã thống nhất với ADB;
- (iv) Phối hợp với bên vay/khách hàng để khắc phục tối đa mọi trường hợp không thực hiện được cam kết về bảo trợ xã hội, như đã cam kết trong hiệp định pháp lý, và thực hiện các biện pháp khắc phục để lập lại việc tuân thủ cho thích hợp; và
- (v) Chuẩn bị một báo cáo hoàn thành dự án trong đó đánh giá liệu dự án đã đạt được các mục tiêu và kết quả mong muốn trong kế hoạch bảo trợ xã hội hay chưa, dựa trên cơ sở đối chiếu với những điều kiện ban đầu và kết quả giám sát.

## **YÊU CẦU BẢO TRỢ XÃ HỘI SỐ 1: MÔI TRƯỜNG**

### **Mục tiêu**

Mục tiêu đặt ra là đảm bảo tính an toàn và ổn định về môi trường của các dự án, và hỗ trợ lồng ghép các cân nhắc môi trường vào quá trình ra quyết định của dự án.

### **Phạm vi áp dụng.**

Các yêu cầu này áp dụng cho tất cả các dự án do ADB tài trợ và/hoặc các dự án do ADB quản lý trong cả khu vực nhà nước lẫn tư nhân, và các hợp phần của dự án bất kể nguồn tài trợ nào, bao gồm cả các dự án đầu tư được tài trợ bằng vốn vay; và/hoặc viện trợ không hoàn lại; và/hoặc các phương thức khác, như vốn cổ phần và/hoặc bảo lãnh (ở đây gọi chung là dự án).

### **Yêu cầu**

#### ***Đánh giá môi trường***

Khi bắt đầu chuẩn bị dự án, bên vay/khách hàng sẽ xác định các tác động và rủi ro môi trường trực tiếp, gián tiếp, tích lũy và cảm sinh tiềm tàng đối với các nguồn tài nguyên vật chất, sinh học, kinh tế xã hội và văn hóa vật thể, xác định tầm quan trọng và phạm vi của chúng, tham vấn với các bên liên quan.

Tác động và rủi ro sẽ được phân tích trong bối cảnh vùng ảnh hưởng của dự án.

Vùng ảnh hưởng của dự án bao gồm

- (i) địa điểm dự án và các cơ sở liên quan mà bên vay/khách hàng (bao gồm cả nhà thầu) xây dựng hoặc kiểm soát, như hành lang truyền tải điện, đường ống, kênh mương, đường hầm, đường dẫn, hồ đất mương và khu đổ chất thải, lán công trường;
- (ii) các cơ sở kèm theo không được tài trợ trong khuôn khổ dự án (nguồn vốn có thể được bên vay/khách hàng hay bên thứ ba tài trợ riêng), sự tồn tại của các công trình này hoàn toàn phụ thuộc vào dự án và hàng hóa hay dịch vụ của chúng có tầm quan trọng thiết yếu đối với sự thành công của dự án;
- (iii) các khu vực và cộng đồng có tiềm năng bị ảnh hưởng bởi các tác động tích lũy từ việc tiếp tục phát triển dự án theo kế hoạch, các nguồn gây tác động tương tự trong cùng khu vực địa lý, mọi dự án hay điều kiện hiện tại, các hoạt động phát triển khác liên quan đến dự án được xác định một cách thực tế tại thời điểm đánh giá; và



- (iv) các khu vực và cộng đồng có tiềm năng bị ảnh hưởng bởi các tác động từ các hoạt động phát triển không có trong kế hoạch song có thể tiên liệu do dự án gây ra hoặc có thể diễn ra muộn hơn hoặc tại một địa điểm khác. Vùng ảnh hưởng không bao gồm các tác động tiềm năng có thể xảy ra nếu không có dự án hoặc không phụ thuộc vào dự án. Tác động và rủi ro môi trường cũng sẽ được phân tích cho tất cả các giai đoạn thích hợp trong chu trình dự án, bao gồm các hoạt động tiền xây dựng, xây dựng, hoạt động, ngừng hoạt động và sau khi đóng dự án, như phục hồi và khôi phục.

Tùy theo tầm quan trọng của các tác động và rủi ro của dự án, hoạt động đánh giá có thể là đánh giá tác động môi trường một cách đầy đủ (EIA) đối với các dự án thuộc loại A, đánh giá môi trường ban đầu (IEE) hoặc một quy trình tương đương đối với các dự án thuộc loại B, hoặc đơn thuần là đánh giá qua nghiên cứu tài liệu.

Một IEE, với phạm vi giới hạn, có thể được tiến hành đối với các dự án có tác động hạn chế, số lượng nhỏ, nhìn chung đặc thù cho từng địa điểm, có khả năng phục hồi cao, và có thể được giải quyết thông qua các biện pháp giảm nhẹ

Khi dự án liên quan đến các hoạt động hay cơ sở đang tồn tại, các chuyên gia bên ngoài thích hợp sẽ thực hiện kiểm toán môi trường để xác định xem khu vực nào có thể bị rủi ro hay tác động môi trường bởi dự án hay không. Nếu dự án không có dự kiến mở rộng đáng kể nào, thì hoạt động kiểm toán sẽ là đánh giá môi trường cho dự án.

Một báo cáo kiểm toán môi trường thông thường bao gồm những phần chính như sau:

- (i) tóm tắt tổng quan;
- (ii) mô tả cơ sở vật chất hiện có, bao gồm cả các hoạt động trước đây và hiện tại;
- (iii) tóm tắt luật, quy định và tiêu chuẩn về môi trường của quốc gia, địa phương hoặc mọi quy định khác đang được áp dụng;
- (iv) thủ tục kiểm toán và điều tra thực địa; (v) kết quả phát hiện và những lĩnh vực cần quan tâm; và (vi) kế hoạch hành động hiệu chỉnh trong đó nêu các hành động hiệu chỉnh phù hợp cho từng lĩnh vực quan tâm, bao gồm cả chi phí và lịch trình

### **LẬP KẾ HOẠCH VÀ QUẢN LÝ MÔI TRƯỜNG**

Bên vay/khách hàng phải xây dựng một kế hoạch quản lý môi trường (EMP) để giải quyết những tác động và rủi ro tiềm tàng đã được xác định trong đánh giá môi trường. EMP phải đề xuất các biện pháp giảm nhẹ, các yêu cầu giám sát và báo cáo môi trường, các thủ tục ứng phó khẩn cấp, các sắp

xếp thể chế hoặc tổ chức liên quan, các biện pháp nâng cao năng lực và đào tạo, lịch trình thực hiện, chi phí dự kiến và các chỉ số hoạt động.

Trong điều kiện không thể tránh khỏi hay ngăn chặn được tác động và rủi ro, phải xác định các biện pháp và hành động giảm nhẹ sao cho dự án được thiết kế, xây dựng và hoạt động phù hợp với pháp luật và quy định hiện hành và đáp ứng được các yêu cầu đã nêu trong văn kiện này.

Mức độ chi tiết và phức tạp của các tài liệu kế hoạch môi trường và mức độ ưu tiên của các biện pháp và hành động được xác định phải tương ứng với các tác động và rủi ro của dự án. Những cân nhắc chính bao gồm giảm nhẹ tác động bất lợi tiềm tàng đến mức độ không còn “gây hại đáng kể đến các bên thứ ba”, nguyên tắc người gây ô nhiễm phải chi trả, cách tiếp cận thận trọng, và quản lý thích ứng.

Nếu một số tác động còn lại vẫn còn ở mức độ đáng kể sau khi đã thực hiện các biện pháp giảm nhẹ, EMP phải đề xuất các biện pháp đền bù (bù đắp) thích hợp nhằm mục đích làm cho dự án không gây ảnh hưởng suy biến đáng kể đến môi trường.

Các biện pháp này có thể liên quan đến việc bảo tồn sinh cảnh và đa dạng sinh học, bảo vệ các điều kiện xung quanh, và phát thải khí nhà kính. Đền bù bằng tiền thay cho bù đắp được chấp nhận trong một số hoàn cảnh đặc biệt, với điều kiện tiền đền bù được sử dụng để mang lại các lợi ích môi trường có tính chất tương tự và tương xứng với tác động còn lại của dự án.

EMP phải xác định các kết quả dự kiến được đo lường ở mức độ tối đa có thể và phải có các chỉ số hoạt động hay chỉ tiêu có thể theo dõi được trong một thời gian xác định. Kế hoạch này phải đáp ứng được với những thay đổi về thiết kế dự án, như thay đổi lớn về vị trí hay tuyến dự án, hoặc về công nghệ, các sự kiện bất ngờ, và kết quả theo dõi.

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Bên vay/khách hàng phải đệ trình lên ADB những văn kiện sau để công bố trên trang web của ADB:

- (i) Dự thảo đầy đủ đánh giá Tác động Môi trường EIA (bao gồm dự thảo EMP) ít nhất 120 ngày trước ngày Ban Giám đốc ADB xem xét, và/hoặc khung rà soát và đánh giá môi trường trước khi thẩm định dự án, tùy theo điều kiện thích hợp;

- (ii) Văn kiện EIA/IEE cuối cùng;
- (iii) Văn kiện EIA/IEE mới hoặc cập nhật và kế hoạch hành động hiệu chỉnh được xây dựng trong quá trình thực hiện dự án, nếu có; và
- (iv) Các báo cáo theo dõi môi trường.

### **THAM VẤN VÀ THAM GIA**

Bên vay/khách hàng phải tiến hành tham vấn thiết thực với những người dân bị ảnh hưởng và các bên có liên quan khác, bao gồm tổ chức xã hội dân sự, đồng thời tạo điều kiện cho tất cả được tham gia với thông tin đầy đủ. Tham vấn thiết thực là một quy trình

- (i) bắt đầu ngay từ giai đoạn chuẩn bị dự án và được duy trì thường xuyên trong suốt chu trình dự án;
- (ii) kịp thời công bố các thông tin có liên quan và đầy đủ, dễ hiểu và dễ tiếp cận đối với những người bị ảnh hưởng;
- (iii) thực hiện trong một môi trường không bị đe dọa hay cưỡng ép;
- (iv) hòa nhập và đáp ứng về giới, được điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu của các nhóm thiệt thòi và dễ bị tổn thương; và
- (v) tạo điều kiện đưa quan điểm có liên quan của người dân bị ảnh hưởng và các bên có liên quan khác vào quá trình ra quyết định, như thiết kế dự án, các biện pháp giảm nhẹ, chia sẻ lợi ích và cơ hội phát triển, và các vấn đề thực hiện.

### **CƠ CHẾ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI**

Bên vay/khách hàng phải thiết lập cơ chế tiếp nhận và hỗ trợ giải quyết những quan ngại, khiếu nại, phản ánh của những người bị ảnh hưởng về tình hình môi trường của dự án.

Cơ chế giải quyết khiếu nại cần có quy mô phù hợp với rủi ro và các tác động bất lợi của dự án. Cơ chế này phải giải quyết những quan ngại và khiếu nại của người bị ảnh hưởng một cách nhanh chóng, bằng một quy trình dễ hiểu và minh bạch, có đáp ứng giới, phù hợp về văn hóa, mọi nhóm đối tượng bị ảnh hưởng đều dễ dàng tiếp cận, không phải mất phí hay trả thù lao. Cơ chế này không

được cản trở đến việc tiếp cận các biện pháp xử lý hành chính hoặc pháp luật của quốc gia. Những người bị ảnh hưởng sẽ được thông báo về cơ chế một cách thích hợp.

## **THEO DÕI VÀ BÁO CÁO**

Bên vay/khách hàng phải theo dõi và đánh giá tiến độ thực hiện EMP. Mức độ của các hoạt động theo dõi sẽ tương ứng với rủi ro và tác động của dự án. Bên cạnh việc ghi nhận các thông tin theo dõi tình hình thực hiện, bên vay/khách hàng còn phải tiến hành thanh tra để kiểm tra tình hình tuân thủ đối với EMP và tiến độ đạt được các kết quả dự kiến. Đối với các dự án có khả năng gây tác động môi trường tiêu cực đáng kể, bên vay/khách hàng phải thuê chuyên gia bên ngoài có trình độ và kinh nghiệm hoặc các NGO có năng lực xác minh các thông tin theo dõi của mình. Bên vay/khách hàng phải lập tài liệu về kết quả theo dõi, xác định các hành động hiệu chỉnh và đưa vào kế hoạch hành động hiệu chỉnh. Bên vay/khách hàng phải thực hiện các hành động hiệu chỉnh này và tiếp tục theo đuổi các hành động này để đảm bảo hiệu quả của chúng.

Bên vay/khách hàng phải chuẩn bị các báo cáo theo dõi định kỳ, mô tả tiến độ thực hiện của EMP và các vấn đề tuân thủ cũng như các hành động hiệu chỉnh, nếu có. Trong quá trình thực hiện, bên vay/khách hàng phải nộp báo cáo theo dõi ít nhất một năm hai lần đối với các dự án có khả năng gây tác động môi trường tiêu cực đáng kể, và báo cáo theo dõi hàng quý đối với các dự án phức tạp và nhạy cảm. Đối với các dự án có khả năng gây tác động môi trường tiêu cực đáng kể trong quá trình hoạt động, việc báo cáo sẽ được tiếp tục ít nhất một năm một lần. Các báo cáo định kỳ này sẽ được đăng tải tại một nơi công chúng dễ tiếp cận. Ngân sách dự án sẽ phản ánh chi phí của các yêu cầu theo dõi và báo cáo.

### **Tác động môi trường ngoài dự kiến**

#### **Bảo vệ đa dạng sinh học và quản lý tài nguyên thiên nhiên bền vững**

- Sinh cảnh thay đổi
- Sinh cảnh tự nhiên
- Sinh cảnh trọng yếu
- Khu bảo tồn hợp pháp
- Các loài ngoại lai xâm hại
- Quản lý và sử dụng tài nguyên thiên nhiên tái tạo

### **Ngăn ngừa và giảm bớt ô nhiễm**

- Ngăn ngừa ô nhiễm, bảo tồn nguồn lực và sử dụng năng lượng hiệu quả
- Chất thải
- Các chất độc hại
- Sử dụng và quản lý hóa chất bảo vệ thực vật
- Phát thải khí nhà kính

### **Sức khỏe và an toàn**

- Vệ sinh và an toàn lao động
- Vệ sinh và an toàn cộng đồng

### **Các di sản văn hóa vật thể**

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường và giám sát môi trường của CPMU cho dự án

Theo Thiết kế và khung giám sát DMF của dự án

Tóm tắt thiết kế	Mục tiêu hoạt động và các chỉ số đi kèm dữ liệu cơ sở
<b>Tác động Giảm ô nhiễm liên quan đến sản xuất nông nghiệp</b>	Đến năm 2024 (so với dữ liệu cơ sở năm 2013), tại các địa bàn tham gia Dự án được lựa chọn: <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chất thải chăn nuôi đổ ra nguồn nước giảm ít nhất 50%</li><li>2. Phát thải KNK giảm tương đương với khoảng 0.2 tấn CO2 hàng năm trên một đơn vị thể tích mét khối của các công trình KSH.</li></ol>
<b>Kết quả Tăng hấp thụ các công nghệ ứng dụng sản xuất nông nghiệp các bon thấp (CSAWMP)</b>	Đến năm 2018 (so với dữ liệu cơ sở năm 2013), tại địa bàn Dự án: <ol style="list-style-type: none"><li>1. Ít nhất 70% chất thải sau công trình KSH được chuyển thành phân bón hữu cơ</li><li>2. Ít nhất 80% năng lượng sản xuất ra từ các công trình KSH được sử dụng.</li><li>3. Khối lượng công việc hàng ngày của phụ nữ và trẻ em giảm trung bình 1,8 - 2 giờ.</li></ol>

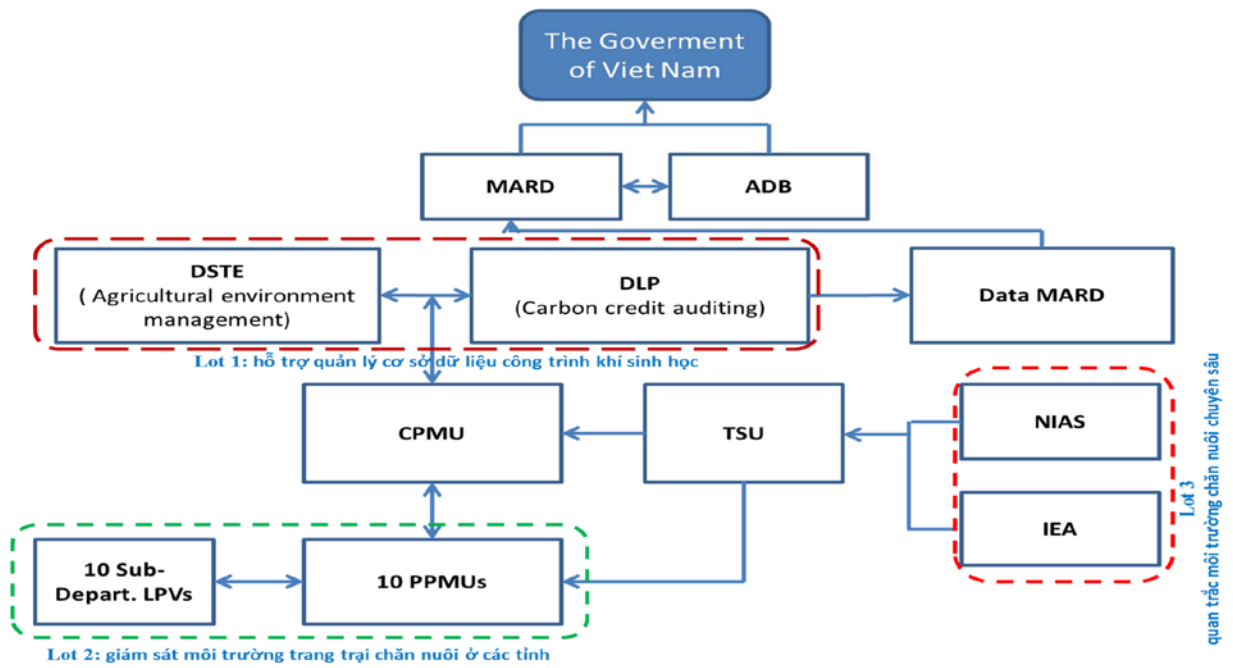
#### Tài liệu hướng dẫn dự án (PAM), Part (X)-

1.5- Đến năm 2018, giám sát vận hành các công trình KSH với đầy đủ các hạng mục môi trường.

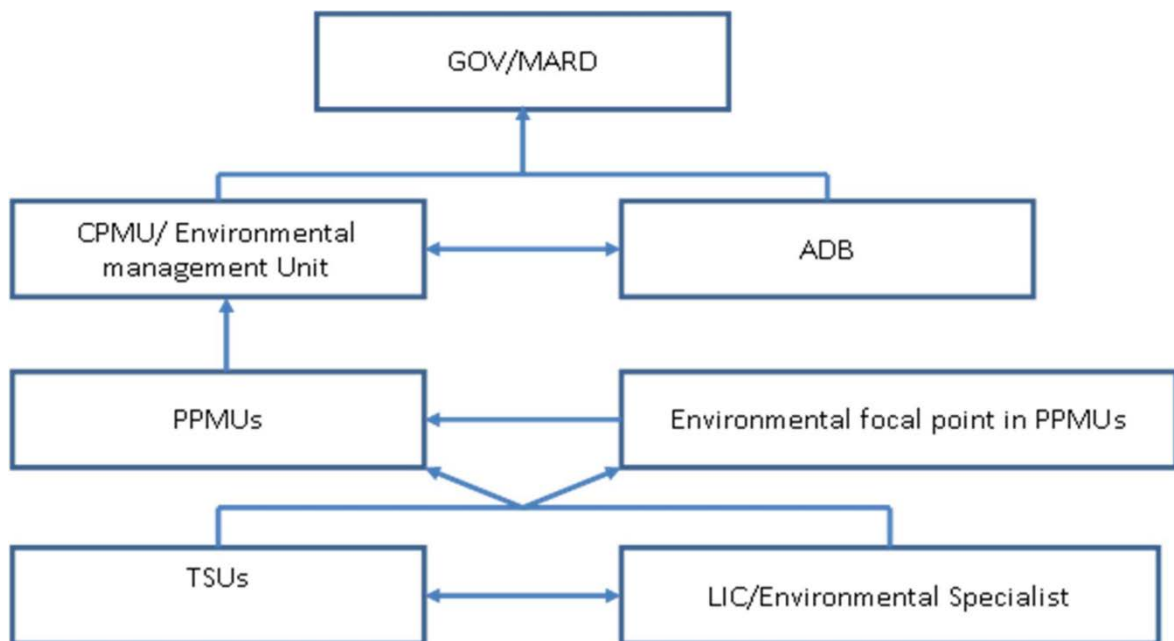
1.6- Đến năm 2018, tăng cường năng lực cho các đơn vị có liên quan để trao quyền giám sát các công trình KSH được xây dựng.

1.7- Đến năm 2018, giám sát lượng giảm khí nhà kính hàng năm và có nguồn thu từ giảm phát thải được chứng nhận.

1.8- Đến năm 2018, xây dựng năng lực cho các đơn vị có liên quan để tiếp tục quản lý phát triển KSH



**Mối liên hệ và trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ NN&PTNT trong chương trình đánh giá, quan trắc và giám sát môi trường**



**Cơ cấu giám sát nội bộ về bảo vệ môi trường của LCASP**

### Tổ quản lý môi trường của CPMU

	Họ và tên	Trách nhiệm	Liên hệ
1	Nguyễn Thái Sơn	Tổ trưởng	thaison@apmb.gov.vn
2	Phan Thùy Linh	Tổ viên	linh.phan.mp@gmail.com
3	Đỗ Ngọc Diệp	Tổ viên	dongocdiiep159@gmail.com

### Đầu mối môi trường các tỉnh

Họ và tên	Tên đơn vị	Điện thoại	E-mail
Lương Thanh Tùng	Nam Định	0977 751 856	<a href="mailto:Luongthanhtungty44a@gmail.com">Luongthanhtungty44a@gmail.com</a>
Nguyễn Thị Khánh Hòa	Lào Cai	0974 581 286	<a href="mailto:Nguyenkhanhhoa.vfu@gmail.com">Nguyenkhanhhoa.vfu@gmail.com</a>
Nguyễn Diễm Phương	Tiền Giang	0918 287 039	<a href="mailto:diemphuongtg@gmail.com">diemphuongtg@gmail.com</a>
Dương Thế Khoa	Bắc Giang	098 5588 750	<a href="mailto:thekhoabg@gmail.com">thekhoabg@gmail.com</a>
Nguyễn Thị Hải Yến	Hà Tĩnh	0912.419.290	<a href="mailto:Haiyen4690@gmail.com">Haiyen4690@gmail.com</a>
Nguyễn Chánh Bình	Bến Tre	0919240230	<a href="mailto:ncbinh.knkn@yahoo.com.vn">ncbinh.knkn@yahoo.com.vn</a>
Trần Văn Chiến	Sóc Trăng	0122.818.6601	<a href="mailto:tvchienlcapst@gmail.com">tvchienlcapst@gmail.com</a>
Nguyễn Hữu Thương	Sơn La	0975.113.688	<a href="mailto:timbanthatkho@gmail.com">timbanthatkho@gmail.com</a>
Võ Hoàng Hiệp	Bình Định	0934.882.211	<a href="mailto:Hoanghiep510@gmail.com">Hoanghiep510@gmail.com</a>
Hoàng Mạnh Thông	Phú Thọ	01685627899	<a href="mailto:Hoangmanhthong1984@gmail.com">Hoangmanhthong1984@gmail.com</a>

### Vai trò và trách nhiệm:

- Tổ môi trường của CPMU:** thực hiện giám sát và xem xét nội dung các báo cáo được thực hiện bởi PPMU. Tiến hành kiểm tra ngẫu nhiên CTKSH



**Đầu mối môi trường PPMU**

(*Tư vấn tình tham gia đảm bảo tiến độ của báo cáo*)

- IEE (bao gồm EMP)
- REA
- Phân loại môi trường
- Báo cáo môi trường định kỳ 6 tháng

● **Chuyên gia môi trường LIC:**

- Hỗ trợ CPMU và PPMU các báo cáo an toàn môi trường (về kỹ thuật, hoàn thiện báo cáo theo mẫu).
- Hỗ trợ CPMU về báo cáo kiểm tra môi trường ngẫu nhiên các CTKSH.
- Hỗ trợ CPMU về báo cáo môi trường định kỳ 6 tháng (SEMR) của toàn dự án.

**Các đơn vị giám sát môi trường cấp trung ương**

(Chi cục chăn nuôi thú y các tỉnh; Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường (DSTE); Viện Môi trường Nông nghiệp (Trung tâm Phân tích và Chuyển giao Công nghệ Môi trường; bộ môn môi trường chăn nuôi- Viện Chăn nuôi Quốc gia

Ban hỗ trợ kỹ thuật cho dự án LCASP do Bộ NN&PTNT quyết định thành lập theo quyết định số 107/QĐ-BNN-TCCB ngày 20/1/2014.

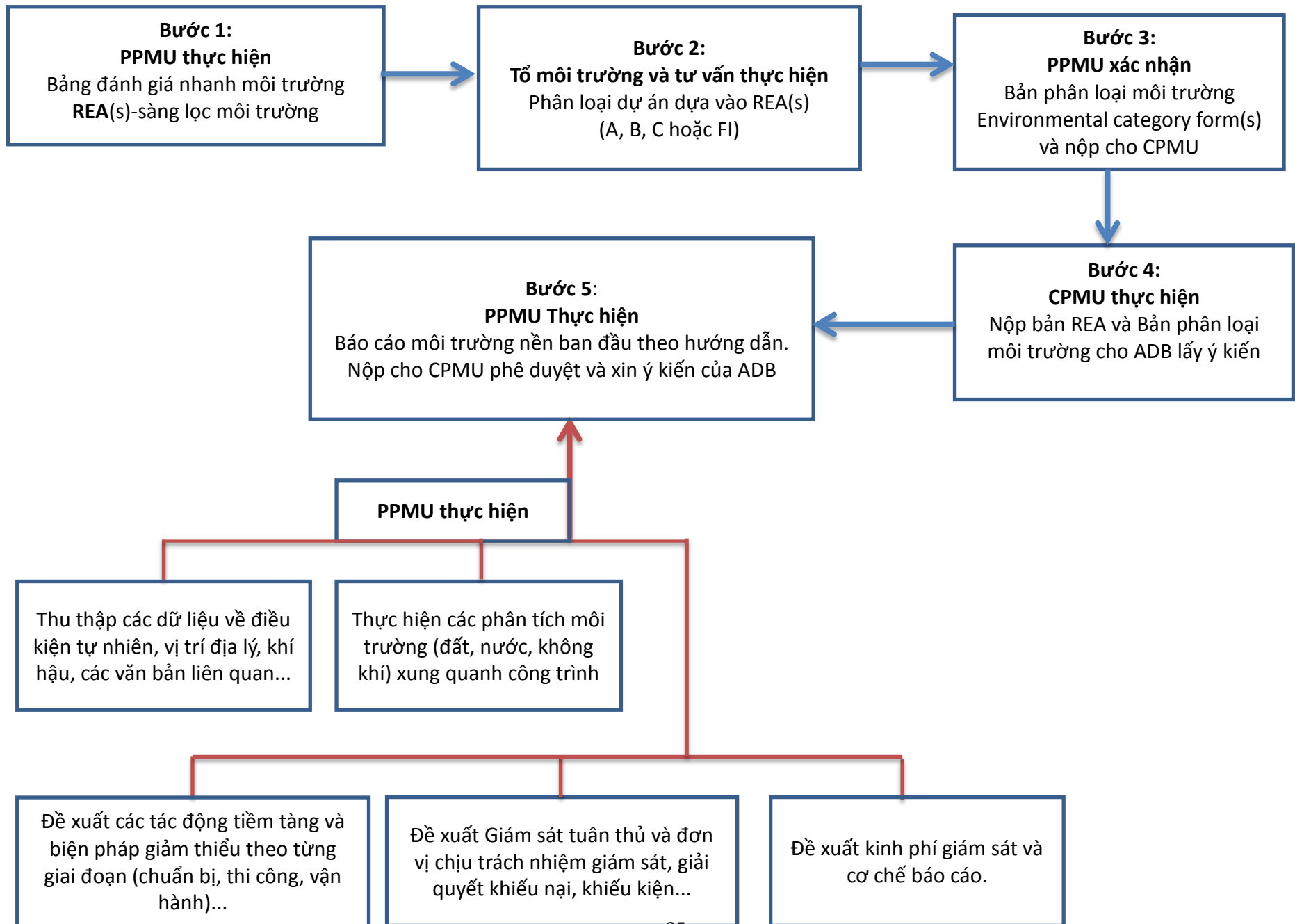
Ban hỗ trợ kỹ thuật sẽ cung cấp các trợ giúp tư vấn và kỹ thuật cho Ban QLDA Trung ương về phát triển quản lý chuỗi giá trị khí sinh học và công nghệ sản xuất Nông nghiệp các bon thấp. TSU cũng sẽ tư vấn cho Ban QLDA Trung ương về các chính sách và hướng dẫn Ban QLDA Trung ương nhằm đảm bảo cho lĩnh vực phối hợp. Ban QLDA Trung ương sẽ chi trả các chi phí hoạt động hỗ trợ dự án của TSU. Chức năng nhiệm vụ cho mỗi thành viên TSU sẽ được xác định trong khi thực hiện dự án và phải được sự đồng ý của ADB. Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên TSU sẽ được phân công và giám sát bởi Trưởng ban.

Ngoài ra, TSU (Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường (DSTE); Viện Môi trường Nông nghiệp (Trung tâm Phân tích và Chuyển giao Công nghệ Môi trường; bộ môn môi trường chăn nuôi-Viện Chăn nuôi Quốc gia ) sẽ tiến hành kiểm tra sâu về môi trường (lấy mẫu và phân tích các thông số môi trường) và giám sát công trình khí sinh học hoạt động phù hợp với việc bảo vệ môi trường.

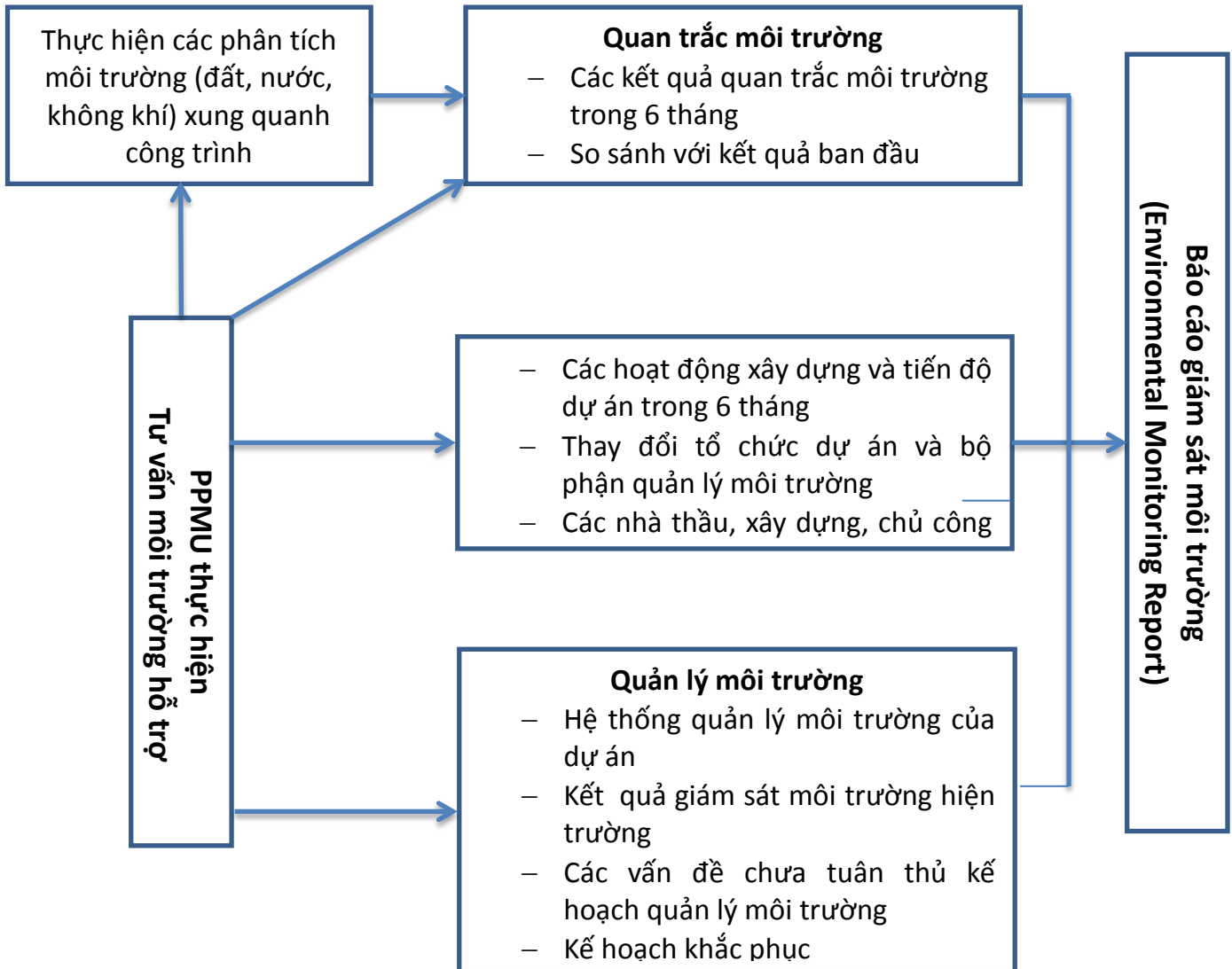
#### **4. Giải đáp thắc mắc về các báo cáo cần thiết hoàn thành đáp ứng yêu cầu của CPMU và ADB về an toàn môi trường**

##### **QUY TRÌNH THỰC HIỆN BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG NỀN BAN ĐẦU**

- Bước 1:** PPMU thực hiện bảng đánh giá nhanh môi trường (REA) cho từng công trình khí sinh học cỡ vừa
- Bước 2:** PPMU gửi bảng đánh giá nhanh REA cho tổ môi trường và tư vấn để phân loại tiêu dự án (A, B, C, FI) theo bản phân loại môi trường (Environmental category form) của ADB
- Bước 3:** Bản phân loại môi trường tiêu dự án (Environmental category form) sẽ được gửi lại PPMU để lấy xác nhận và PPMU gửi trực tiếp cho CPMU xác nhận.
- Bước 4:** CPMU gửi bảng REA và bản phân loại môi trường (Environmental category form) cho ADB để lấy ý kiến
- Bước 5:** PPMU sẽ thực hiện báo cáo môi trường nền ban đầu theo hướng dẫn, nộp cho CPMU phê duyệt và xin ý kiến của ADB



## Quy trình thực hiện báo cáo giám sát môi trường 6 tháng



### 4. Giải đáp thắc mắc về các báo cáo cần thiết hoàn thành đáp ứng yêu cầu của CPMU và ADB về an toàn môi trường

- Báo cáo thẩm định môi trường ban đầu
- Bản đánh giá nhanh môi trường (địa điểm xây dựng CT vừa và lớn vị trí cách khu dân cư, công trình ông cộng, di tích văn hóa lịch sử... tối thiểu **1km**)
- Bảng phân loại môi trường
- Báo cáo giám sát môi trường định kỳ
- Các hỏi đáp khác

## **5. Thực hành đo đạc, phân tích một số chỉ tiêu đơn giản theo yêu cầu giám sát**

### **5.1 Thực hiện thực hành đo đạc, phân tích một số chỉ tiêu đơn giản theo yêu cầu giám sát**

(Đơn vị chịu trách nhiệm lên nội dung)

### **5.2 Kiểm tra các công trình khí quy mô nhỏ**

- Bảng kiểm tra 04 trong PIM có bổ sung
- Hỏi đáp

## **Phụ lục**

1. Bảng kiểm tra ngẫu nhiên CTKSH (bảng 04)
2. Luật Bảo vệ môi trường 2015 của Chính phủ
3. Nghị định 18/2015/NĐ-CP quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.
4. Thông tư 27/2015/TT-BTNMT của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường
5. QCVN 62-MT:2016/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi
6. Chính sách an toàn của ADB 2009
7. IEARF, IEE initial Environmental Examination
8. Sổ tay hướng dẫn thực hiện dự án PAM/PIM của CPMU

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ  
CÔNG TRÌNH KHÍ SINH HỌC ĐANG VẬN HÀNH**

**I. THÀNH PHẦN**

**1. Ban Quản lý Dự án Trung ương/tỉnh (Bên A)**

Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

**2. Hộ xây dựng công trình khí sinh học (Bên B)**

Ông/Bà: ..... Số CMT:..... Số nhân khẩu: .....

Địa chỉ: Thôn: ..... Xã:.....

Huyện: ..... Tỉnh:.....

Số điện thoại: .....

Địa điểm xây dựng/lắp đặt công trình KSH:  Khuôn viên gia đình  
 Khác (ghi rõ).....

Ngày khởi công xây dựng/lắp đặt: ..... tháng ..... năm 20 .....

Mã công trình: .....

**II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TRÌNH KSH**

TT	Hạng mục kiểm tra	Kết quả kiểm tra thực tế	Ghi chú
1	Kiểu công trình phân giải	Nhỏ: Trung bình: Lớn: Loại vật liệu:	
2	Dung tích bể phân giải	$V=.....m^3$	
3	Bể phụ phẩm (bể môi trường)	Kích thước:	
4	Bể điều áp		
5	Các đường ống dẫn		
6	Kênh/hệ thống thu gom nước thải		

**BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ  
CÔNG TRÌNH KHÍ SINH HỌC ĐANG VẬN HÀNH**

**III. THÀNH PHẦN**

**3. Ban Quản lý Dự án Trung ương/tỉnh (Bên A)**

Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Ông/Bà: ..... Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

**4. Hộ xây dựng công trình khí sinh học (Bên B)**

Ông/Bà: ..... Số CMT:..... Số nhân khẩu: .....

Địa chỉ: Thôn: ..... Xã:.....

Huyện: ..... Tỉnh:.....

Số điện thoại: .....

Địa điểm xây dựng/lắp đặt công trình KSH:  Khuôn viên gia đình  
 Khác (ghi rõ).....

Ngày khởi công xây dựng/lắp đặt: ..... tháng ..... năm 20 .....

Mã công trình:.....

**IV. ĐÁNH GIÁ CÔNG TRÌNH KSH**

TT	Hạng mục kiểm tra	Kết quả kiểm tra thực tế	Ghi chú
1	Kiểu công trình phân giải	Nhỏ: Trung bình: Lớn: Loại vật liệu:	
2	Dung tích bể phân giải	$V=.....m^3$	
3	Bể phụ phẩm (bể môi trường)	Kích thước:	
4	Bể điều áp		
5.	Các đường ống dẫn		
6.	Kênh/hệ thống thu gom nước thải		

## 1. Đánh giá chất lượng công trình KSH

Nội dung	Đánh giá	Ghi chú cụ thể về những nội dung chưa đáp ứng
1. Tuân thủ theo thiết kế của công trình	Tuân thủ <input type="checkbox"/> Tuân thủ 1 phần <input type="checkbox"/> Không tuân thủ <input type="checkbox"/>	
2. Khí ga sinh ra sử dụng chủ yếu cho..... .....	Đầy đủ <input type="checkbox"/> Thiếu <input type="checkbox"/> Thừa <input type="checkbox"/>	Biện pháp xử lý khí gas thừa:.....
3. Các hạng mục công trình có hư hỏng gì cho tới thời điểm hiện tại	Có <input type="checkbox"/> Chưa có <input type="checkbox"/>	(ghi rõ hạng mục nào bị hư hỏng, nguyên nhân và biện pháp khắc phục)
4. Công tác bảo hành, bảo dưỡng của đội thợ xây/đơn vị cung cấp	Tốt <input type="checkbox"/> Chưa tốt <input type="checkbox"/>	

## 2. Đánh giá về môi trường

Nội dung	Đánh giá	Ghi chú cụ thể về những nội dung chưa đạt
1. Nhận thức của người sử dụng về các hạng mục môi trường?	Đạt <input type="checkbox"/> Chưa đạt <input type="checkbox"/>	
2. Có thực hiện đầy đủ các hạng mục trong kế hoạch quản lý môi trường hoặc cam kết bảo vệ môi trường không?	Có <input type="checkbox"/> Một phần <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
3. Có sử dụng phụ phẩm của công trình khí sinh học để bón ruộng không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
4. Đánh giá về môi trường xung quanh?	<input type="checkbox"/>	
- Mùi	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
- Màu sắc nước thải ở bể phụ phẩm?	Vàng <input type="checkbox"/> Đen nhạt <input type="checkbox"/> Đen thẫm <input type="checkbox"/>	



	Có sỏi bọt <input type="checkbox"/> Nhiều cặn <input type="checkbox"/>	
- ở bể phụ phẩm có thiết kế vách ngăn lọc nước trong không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	
- Một số thông số cơ bản trong nước tại kênh tiếp nhận nước xả từ bể phụ phẩm (đo bằng máy cầm tay, một số chỉ tiêu ecoli, coliform, salmonella lấy mẫu nuôi cấy) <b>(thiết bị chờ ADB phê duyệt)</b>	pH:..... Nhiệt độ:..... DO (oxy hòa tan):..... Màu sắc:..... E. Coli:..... Coliform:..... Salmonella:.....	
6. Có rò rỉ khí gas (CH <sub>4</sub> , H <sub>2</sub> S) ra môi trường không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>	

### 3. Đánh giá công tác hỗ trợ từ dự án

Nội dung	Đánh giá	Ghi chú
1. Chất lượng công tác hỗ trợ kỹ thuật của kỹ thuật viên và từ dự án	Đạt <input type="checkbox"/> Chưa đạt <input type="checkbox"/>	
2. Nhận hỗ trợ tài chính của dự án	Đã nhận <input type="checkbox"/> Chưa nhận <input type="checkbox"/>	<i>Đã nhận ngày 23/5/2014</i>

### 4. Hiệu quả từ công trình KSH

Nội dung	Đơn vị	Trước khi có công trình KSH	Sau khi có công trình KSH
1. Sử dụng loại nhiên liệu			
Dầu hỏa	Lít		
Khí ga hóa lỏng	Kg		
Than			
- Than bùn	Kg		
- Than cám	Kg		
- Than tổ ong	Viên		
Củ gỗ	Kg		
Điện	kWh		
Phụ phẩm nông nghiệp (rơm, rạ...)	Kg		
2. Kinh phí tiết kiệm từ sử dụng khí sinh học (ước tính)	VNĐ/Tháng		
3. Khối lượng công việc đối với phụ nữ và trẻ em (ước trung bình của hộ gia đình)	Giờ/ngày		

**Nhận xét chung về công trình và biện pháp xử lý:**

.....

.....

.....

.....

.....

**Kết luận:**.....

**BÊN A**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**BÊN B**  
(Ký và ghi rõ họ tên)